

Số: 18/2022/QĐST-DS

TN, ngày 10 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào các Điều 147, 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2022/TLST- DS ngày 12 tháng 01 năm 2022, về việc: “Tranh chấp về quyền đối với tài sản, hợp đồng vay tài sản”;
- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự giữa:

Nguyên đơn: bà Bùi Thị Q, sinh năm 1945

Địa chỉ: xóm Hồng, xã Phúc Hà, thành phố TN, tỉnh TN;

Bị đơn: bà Trịnh Thị V, sinh năm 1974

Địa chỉ: xóm Hồng, xã Phúc Hà, thành phố TN, tỉnh TN;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Hoàng Thị B, sinh năm 1967

Địa chỉ: xóm Trung Thành, xã Quyết Thắng, thành phố TN, tỉnh Tn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nội dung:

2.1. Chị Trịnh Thị V đồng ý trả lại cho bà Bùi Thị Q Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: P 491828, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00136-QSDD/704/1999/QĐ-UB/H do Ủy ban nhân dân thành phố TN cấp ngày 03/9/1999 mang tên bà Bùi Thị Q;

2.2. Chị Hoàng B đồng ý trả cho chị Trịnh Thị V số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Khi chị Hoàng Thị B trả xong số tiền cho chị V thì chị V trả lại chị B Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: T 419582, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 01043-

QSĐĐ/422/QĐ-UB/H ngày 04/5/2001 mang tên hộ ông (bà) Hoàng Thị B và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BP 558270, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH02906/NCN, số QĐ: 9658/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 mang tên bà Hoàng Thị B, ông Tống Văn L.

Về án phí: chị Trịnh Thị V tự nguyện nộp 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Hoàng Thị B tự nguyện nộp 15.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại chị Trịnh Thị V đồng 14.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tn ngày 15 tháng 3 năm 2022, biên lai số: 0001030.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TPTN;
- CCTHADSTPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đồng Huy Hưởng

